

Số: *860* /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành,
Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và
Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm
quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2416/QĐ-BYT ngày 09/6/2017 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành tại Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật được;

Căn cứ Quyết định số 2318/QĐ-BYT ngày 06/4/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định 2968/QĐ-BYT ngày 16/5/2018 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi được quy định tại Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 913/TTr-SYT ngày 09/5/2018 và Tờ trình số 959/TTr-SYT ngày 17/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và Danh mục

thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

1. Sở Y tế tổ chức niêm yết công khai, đầy đủ Danh mục, nội dung thủ tục hành chính; thực hiện tiếp nhận và giải quyết các thủ tục theo đúng quy định pháp luật.

2. Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng nhập các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính chậm nhất trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký Quyết định công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế đã được công bố tại Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không bị sửa đổi, bãi bỏ vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KGVX, HCC, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC(Thu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Trường Thọ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH




ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ

ĐƯỢC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

*bổ kèm theo Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM				
1	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả / TT HC: Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 60-62 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	Không	- Luật Dược ngày 06/4/2016; - Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2006 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;
2	Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc;
3	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		500.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018 của Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ				lĩnh vực dược; mỹ phẩm. 
4	Cấp Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề được bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề được	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		Không	
5	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		500.000 đồng/hồ sơ	
6	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề được theo hình thức xét hồ sơ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và		500.000 đồng/hồ sơ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		hợp lệ			
7	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyển bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền)	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở bán buôn thuốc: 4.000.000 đồng; - Đối với cơ sở bán lẻ thuốc thuộc địa bàn vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng; - Đối với cơ sở bán lẻ thuốc thuộc các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng. 	
8	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở bán buôn thuốc: 4.000.000 đồng; - Đối với cơ sở bán lẻ thuốc địa bàn vùng khó khăn, miền núi, 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)			hải đảo: 500.000 đồng; - Đối với cơ sở bán lẻ thuộc các khu vực còn lại: 3.000.000 đồng.	
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế	20 ngày làm việc đối với trường hợp mất, hỏng; 07 ngày làm việc đối với trường hợp do lỗi của cơ quan		Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	cấp			
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ		Không	
11	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	05 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ		Không	
12	Cho phép hủy	30 ngày, kể		Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ			
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ; cơ sở sản xuất thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện,	95 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cơ sở đã đáp ứng thực hành tốt: Không. - Trường hợp cơ sở chưa đáp ứng thực hành tốt: + Đối với cơ sở bán buôn thuốc: 4.000.000 đồng; + Đối với cơ sở bán lẻ thuộc địa bàn vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng; + Đối với cơ sở bán lẻ thuộc các khu vực 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế			còn lại: 1.000.000 đồng.	
14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được cho các cơ sở kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất được quy định tại Điều 50 của Nghị định này); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, được chất trong danh mục	30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với cơ sở đã đáp ứng thực hành tốt đối với phạm vi hoạt động đề nghị; 50 ngày đối với cơ sở chưa đáp ứng thực hành tốt đối với phạm vi hoạt động đề nghị		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc: Không. - Trường hợp phải thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc: + Đối với cơ sở bán buôn thuốc: 4.000.000 đồng; + Đối với cơ sở bán lẻ thuộc địa bàn vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng; + Đối với cơ sở bán lẻ thuộc các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế				
15	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	30 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ		Không	
16	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không phải thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc: Không. - Trường hợp phải thẩm định cơ sở kinh doanh thuốc: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với thuốc địa bàn vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng; + Đối với thuốc các khu vực còn lại: 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				1.000.000 đồng.	
17	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được	07 ngày làm việc kể từ khi ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận		Không	
18	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	07 ngày làm việc kể từ khi ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận		Không	
19	Cấp phép nhập	07 ngày		Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	làm việc kể từ khi ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận			
20	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.600.000 đồng/hồ sơ	
21	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thẩm quyền của Sở Y tế	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	
22	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuốc thẩm quyền	07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	của Sở Y tế				
23	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	25 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ		Không	
24	Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Đối với địa bàn vùng khó khăn, miền núi, hải đảo: 500.000 đồng; - Đối với các khu vực còn lại: 1.000.000 đồng. 	
25	Đánh giá định kỳ việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GDP)	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		4.000.000 đồng/hồ sơ	
II LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG					
1	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm	07 ngày làm việc	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả. TTHC: Trung tâm hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ: Số 60-62 đường Hùng Vương, thành	Không	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi		phố Quảng Ngãi.		
2	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	07 ngày làm việc		Không	
3	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc		Phí thẩm định nội dung kịch bản phim, chương trình trên băng, đĩa, phần mềm, trên các vật liệu khác và tài liệu trong quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế: 1.200.000đ/lần/1 sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
III LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA					
1	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh, địa chỉ: Số 477 đường Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa thực hiện theo quy định tại Biểu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa ban hành kèm theo Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; - Trường hợp đã thu phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa thì cơ sở thẩm định cấp giấy giám định y khoa sẽ không thu giá dịch vụ khám bệnh theo quy định hiện hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; - Luật an toàn vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế; - Thông tư số 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận giám định y khoa.
2	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
3	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
4	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
5	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai				
6	Khám giám định đề hưởng bảo hiểm xã hội một lần	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
7	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
8	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			
9	Khám giám định tổng hợp	10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng có kết luận			

2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
I	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM		
1	T-QNG- 267474-TT	Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế.
2	T-QNG- 267477-TT	Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	Thông tư số 114/2017/TT-BTC ngày 24/10/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.
3	T-QNG- 267479-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT)	
4	T-QNG- 267481-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm (trường hợp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa điểm của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm mỹ phẩm ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo)	Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm.
5	T-QNG- 267482-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	
6	T-QNG- 267483-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm (trường hợp bị mất, bị hư hỏng)	
7	T-QNG- 267484-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm trường hợp cơ sở sản xuất mỹ phẩm thay đổi tên cơ sở hoặc thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa	

		giới hành chính (địa điểm sản xuất không thay đổi)	
II	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG		
1	T-QNG-267420-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm; - Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	T-QNG-267421-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
3	T-QNG-267430-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
4	T-QNG-267431-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	

3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM, MỸ PHẨM		
1	T-QNG- 267457-TT	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược	Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.
2	T-QNG- 267458-TT	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược do mất, hư hỏng hoặc rách nát, Chứng chỉ hành nghề hết hiệu lực (đối với Chứng chỉ đã cấp có thời hạn 5 năm), thay đổi thông tin của cá nhân đăng ký hành nghề dược	
3	T-QNG- 267461-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu	
4	T-QNG- 267462-TT	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu	
5	T-QNG- 267463-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với các Giấy chứng nhận có thời hạn của cơ sở bán buôn, bán lẻ dược liệu	
6	T-QNG- 267464-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc của cơ	

		sở bán buôn, bán lẻ dược liệu	
7	T-QNG-267465-TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
8	T-QNG-267466-TT	Cấp bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
9	T-QNG-267467-TT	Cấp gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc (đối với Giấy chứng nhận có thời hạn)	
10	T-QNG-267468-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc do bị mất, hư hỏng, rách nát, thay đổi người quản lý chuyên môn về dược; thay đổi tên cơ sở kinh doanh thuốc nhưng không thay đổi địa điểm kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở đăng ký kinh doanh trong trường hợp trụ sở đăng ký kinh doanh không phải là địa điểm hoạt động kinh doanh đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	
11	T-QNG-267469-TT	Cấp mới Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP)	
12	T-QNG-267470-TT	Cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt nhà thuốc” (GPP) - Trường hợp đăng ký tái kiểm tra	
13	T-QNG-267471-TT	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP)	
14	T-QNG-267472-TT	Cấp Giấy chứng nhận đạt nguyên tắc “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP) - Trường hợp đăng ký tái kiểm tra	
15	T-QNG-267473-TT	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phân phối thuốc” (GDP) đối với trường hợp thay đổi/ bổ sung phạm vi kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh, kho bảo quản	

16	T-QNG-267476-TT	Hội thảo, giới thiệu thuốc	
17	T-QNG-267475-TT	Cấp thẻ Người giới thiệu thuốc	Thông tư 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật dược và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược.
II LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG			
1	T-QNG-267408-TT	Cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với sản phẩm chưa có Quy chuẩn kỹ thuật	Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
2	T-QNG-267409-TT	Thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản Công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm (bên thứ nhất)	
3	T-QNG-267410-TT	Thủ tục cấp Giấy tiếp nhận bản Công bố hợp quy đối với sản phẩm đã có Quy chuẩn kỹ thuật dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba)	
4	T-QNG-267411-TT	Cấp lại Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy Xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm	
5	T-QNG-267412-TT	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
6	T-QNG-	Cấp Giấy xác nhận quảng cáo đối với hình thức quảng cáo	

	267413-TT	thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế	
7	T-QNG-267414-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng	
8	T-QNG-267415-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong các trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng	
9	T-QNG-267416-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm trong trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo	
10	T-QNG-267417-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng	
11	T-QNG-267418-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong các trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hết hiệu lực sử dụng	

12	T-QNG-267419-TT	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý của Bộ Y tế trong trường hợp giấy xác nhận nội dung quảng cáo còn hiệu lực nhưng có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ ra thị trường và không thay đổi nội dung quảng cáo	
III LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA			
1	T-QNG-267442-TT	Giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Thông tư số 56/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế.
2	T-QNG-267443-TT	Giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	
3	T-QNG-267444-TT	Giám định để thực hiện chế độ hưu trí trước tuổi quy định đối với người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	
4	T-QNG-267447-TT	Giám định tai nạn lao động tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	
5	T-QNG-267448-TT	Giám định bệnh nghề nghiệp tái phát đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	
6	T-QNG-267449-TT	Giám định tổng hợp đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	